

Thứ ba, ngày 6 tháng 8 năm 2019

Vietnam Daily Review

Đà giảm tiếp tục

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 07/08/2019	•		
Tuần 5/8-9/8/2019	•		
Tháng 8/2019		•	

Nhận định:

Thị trường: Ngay từ đầu phiên, VN-Index đã giảm điểm mạnh và để mất ngưỡng hỗ trợ quan trọng 965 điểm trước áp lực bán ở các mã bluechips như VIC, VCB, VHM. Đến phiên chiều, nhờ sự đảo chiều ấn tượng của VIC, đà giảm của chỉ số được thu hẹp và VN-Index kết phiên ở ngưỡng 964.61 điểm. Dòng tiền của thị trường tiếp tục chảy vào nhóm ngành khu công nghiệp với đà tăng bứt phá tại các mã cổ phiếu như KBC, GVR, BCM. Thị trường tiếp tục có phiên điều chỉnh đồng pha với các nước trong khu vực khi căng thẳng thương mại Mỹ-Trung có dấu hiệu leo thang và có khả năng sẽ châm ngòi cho một cuộc chiến tiền tệ giữa hai cường quốc. **Chịu ảnh hưởng từ các thông tin vĩ mô kém khả quan, VN-Index nhiều khả năng sẽ điều chỉnh về vùng ngưỡng hỗ trợ cũ 940-950 điểm và tích lũy quanh vùng này trong các phiên giao dịch tới.**

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo đà giảm của chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp canh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 880 với các hợp đồng ngắn hạn và giá mục tiêu quanh ngưỡng 890 điểm cho các hợp đồng dài hạn hơn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 06/08/2019, thị trường chứng quyền diễn biến ảm đạm khi hầu hết các mã đều giảm theo đà giảm của chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm. Ngoài MWG, các chỉ báo kỹ thuật đang cho thấy xu hướng tăng giá kéo dài của cổ phiếu cơ sở FPT và PNJ, và sẽ tạo động lực tăng của nhóm chứng quyền này trong các phiên tới.

Danh mục i-Invest: Theme_Chiến tranh thương mại +0.7%.

Danh mục Chiến tranh thương mại đi ngược xu thế chung của toàn thị trường khi tăng 0.7% trong ngày. Danh mục này kỳ vọng được hưởng lợi trong bối cảnh căng thẳng thương mại thế giới. Các danh mục còn lại đều giảm điểm, trong đó danh mục Dầu khí có biến động bất lợi nhất khi giảm 2.7%.

Phân tích kỹ thuật: LHG_Tích lũy (Trang 2)

Điểm nhấn:

- VN-Index **-8.54 điểm**, đóng cửa **964.61**. HNX-Index **-1.02 điểm**, đóng cửa **101.89**.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+1.83)**; **PNJ (+0.21)**; **HNG (+0.15)**; **KBC (+0.14)**; **VCF (+0.10)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-1.67)**; **VCB (-1.20)**; **GAS (-1.11)**; **VNM (-0.92)**; **MSN (-0.61)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,595.68 tỷ đồng**, **+6.68%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 7.73 điểm. Thị trường có **101** mã tăng và **208** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **243.15 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm **HPG (59.06 tỷ)**, **MSN (46.47 tỷ)** và **VJC (40.70 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **26.79 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

VN-INDEX 964.61

Giá trị: 3595.69 tỷ **-8.54 (-0.88%)**

Khối ngoại (ròng): -243.15 tỷ

HNX-INDEX 101.89

Giá trị: 483.5 tỷ **-1.02 (-0.99%)**

Khối ngoại (ròng): -26.79 tỷ

UPCOM-INDEX 58.31

Giá trị: 480.28 tỷ **-0.06 (-0.1%)**

Khối ngoại (ròng): -19.18 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	55.1	0.68%
Giá vàng	1,462	-0.10%
Tỷ giá USD/VND	23,258	-0.05%
Tỷ giá EUR/VND	26,139	1.06%
Tỷ giá JPY/VND	21,866	-0.44%
LS liên NH 1 tháng	3.3%	5.13%
LS TPCP 5 năm	3.6%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
CTD	28.6	VJC	62.8
HBC	18.1	HPG	56.9
BID	15.1	VRE	44.3
PLX	7.0	BHM	42.9
PTB	6.7	MSN	18.0

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường	Trang 1
Phân tích kỹ thuật	Trang 2
Tín hiệu hàng hóa	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Cổ phiếu lớn	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
iBroker	Trang 8
i-INVEST	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật hiệu suất i-Invest: Danh mục Theme

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Chiến tranh thương mại +0.7%

Danh mục Theme	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm
Chiến tranh thương mại	0.7%	2.5%	-3.7%	3.8%	4.8%	15.5%
BĐS & Khu công nghiệp	-0.2%	0.9%	-1.4%	3.9%	4.9%	2.4%
Vật liệu Xây dựng	-0.7%	-0.1%	-2.1%	-2.3%	8.1%	8.8%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.8%	-1.7%	-2.6%	1.6%	2.3%	0.4%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.9%	0.0%	-3.5%	2.2%	7.9%	22.2%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.9%	-2.4%	-2.6%	-1.0%	6.6%	0.2%
Hàng tiêu dùng	-1.0%	1.1%	1.7%	5.3%	8.7%	11.5%
Ngân hàng	-1.2%	-2.1%	0.8%	2.6%	3.6%	0.1%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-1.3%	-3.4%	-6.3%	-4.0%	0.2%	-1.4%
Xây dựng & Vật liệu XD	-1.5%	-1.2%	-3.3%	-5.3%	1.6%	-5.1%
Xây dựng	-1.6%	-1.4%	-4.5%	-2.3%	-6.3%	-13.1%
Nước & Năng lượng	-1.6%	-2.4%	-6.3%	-1.5%	3.4%	13.1%
Dầu khí	-2.7%	-4.4%	-3.0%	-4.3%	10.6%	3.8%
VNINDEX	-0.9%	-2.2%	-1.1%	1.4%	6.2%	0.5%
VN30INDEX	-0.7%	-1.3%	-1.6%	-1.2%	0.7%	-8.0%

Phân tích kỹ thuật

LHG_Tích lũy

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: dao động trong kênh giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: tiếp tục tăng trên ngưỡng 50.
- Đường MA: EMA12 nằm dưới EMA26 nhưng có xu hướng cắt lên trên trong thời gian tới.

Nhận định: Cổ phiếu LHG vẫn đang dao động tích lũy trong vùng giá 17 – 20 từ đầu Quý 2 năm nay. Thanh khoản cổ phiếu trong những phiên gần đây có dấu hiệu tăng trở lại, cho thấy tín hiệu mua từ đáy của một bộ phận nhà đầu tư trên thị trường. Đáng chú ý hơn, chỉ báo MACD phiên hôm nay đã xuất hiện tín hiệu Golden Cross, báo hiệu sự tăng giá trở lại trong ngắn hạn. Bên cạnh đó, chỉ báo RSI cũng ủng hộ xu hướng này. Mặt khác, đường EMA12 vẫn đang nằm dưới đường EMA26 nên chúng ta vẫn cần thận trọng khi vào lệnh trong thời gian này. Dự kiến trong ngắn hạn LHG có thể tiến về vùng giá 20 – 21, nếu vượt qua được ngưỡng này khả năng cao cổ phiếu sẽ chinh phục tiếp mức giá 26. Trường hợp xấu nếu không phá vỡ vùng cản này, LHG sẽ vẫn bế tắc ở vùng giá tích lũy trong vài tuần tới.

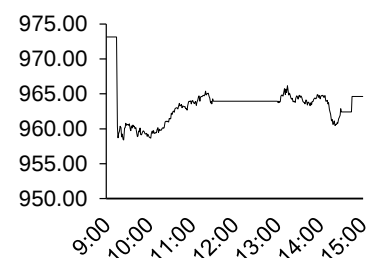


Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Hình 1

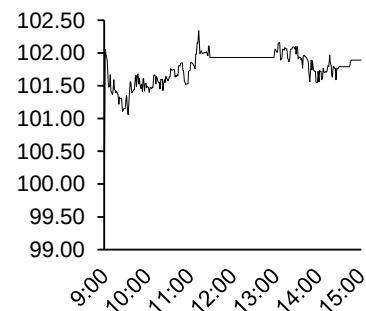
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Vận động ngành trong ngày

Ngành	%±
Truyền thông	-4.09%
Dầu khí	-3.15%
Điện, nước & xăng dầu khí c	-1.82%
Bảo hiểm	-1.73%
Tài nguyên Cơ bản	-1.48%
Du lịch và Giải trí	-1.43%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-1.30%
Dịch vụ tài chính	-1.24%
Ngân hàng	-1.23%
Ô tô và phụ tùng	-1.10%
Thực phẩm và đồ uống	-0.92%
Hóa chất	-0.63%
Xây dựng và Vật liệu	-0.38%
Y tế	-0.34%
Công nghệ Thông tin	-0.17%
Bất động sản	-0.06%
Bán lẻ	0.33%
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.17%

Nguồn: FiinPro

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 02/08/2019

*Mặt hàng	DVT	Sáng 02/08	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	54.55	-1.99%	-4.14%	-5.69%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	59.64	-3.62%	-6.42%	-7.56%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.71	-3.83%	-8.02%	-9.86%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1475.14	2.20%	3.46%	5.79%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	16.48	1.60%	0.12%	9.65%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	850.71	-0.15%	-3.96%	-2.80%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	494.45	0.66%	-1.80%	-4.32%		AFX
Sữa	USD /cwt	14.42	0.75%	-0.29%	0.52%	VNM, GTN, QNS	KDC
Cao su	JPY/kg	192.00	0.26%	-15.72%	-16.88%	DPR, PHR, HAG, HNG	SRC, CSM, DRC
Đường	US cent/lb	11.82	-1.66%	-2.07%	-5.06%	SBT, LSS, SLS, QNS,	VNM, GTN, QNS
Chè	USD/kg	2.78	-3.14%	-3.14%	16.32%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	95.40	-2.80%	-5.44%	-8.69%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.54	-1.03%	-6.24%	-4.35%	MSN, ACM, BGM	CAV. SAM, TGP, VTH
Thép	CNY/ton	3950.00	-2.64%	-3.14%	2.60%	HSG, HPG, NKG	PC1. CTD, HBC
Nhôm	USD/ton	1770.00	-0.56%	-1.78%	-1.12%		CAV. SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	USD/ton	112.50	-4.66%	-4.26%	-9.64%	HLC, NBC, TNT, THT	HT1, BCC, PPC, POW
Than đá	USD/ton	73.95	-1.27%	-1.40%	-2.76%	HSG, HPG, NKG	HSG, HPG, NKG

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 9/2019 đóng cửa ngày 05/08 giảm 2.08 USD, tương đương 3.36%, xuống 59.81 USD/thùng.
- Dầu thô Tây Texas WTI cùng kỳ hạn giảm 0.97 USD, tương đương 1.74% xuống 54.69 USD/thùng.
- Giá dầu Brent giảm hơn 3% do lo ngại tăng trưởng toàn cầu sau khi Tổng thống Mỹ Donald Trump đe dọa áp thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu của Trung Quốc, điều này có thể hạn chế nhu cầu dầu thô từ nước mua lớn nhất thế giới.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 1.7% lên 1,464.72 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 9/2019 của Mỹ tăng 1.3% lên 1,476.5 USD/ounce. Trong phiên này, có lúc giá vàng giao ngay có lúc đạt 1.469,6 USD/ounce, cao nhất kể từ tháng 5/2013.
- Vàng tăng 2% lên mức cao nhất trong hơn 6 năm do chiến tranh thương mại Mỹ - Trung leo thang khiến các nhà đầu tư tìm kiếm tài sản trú ẩn an toàn, cùng với đồng USD suy yếu cũng hỗ trợ giá vàng.

Giá quặng sắt

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn Đại Liên giảm 6% xuống 689,5 CNY (98,09 USD)/tấn, thấp nhất kể từ ngày 5/7/2019.
- Giá quặng sắt tại Đại Liên giảm xuống dưới ngưỡng 100 USD/tấn do dự trữ tăng, trong khi nhu cầu tại Trung Quốc – nước tiêu thụ nguyên liệu sản xuất thép lớn nhất và là nước sản xuất hơn 1/2 nguồn cung thép thế giới – có thể giảm hơn nữa.

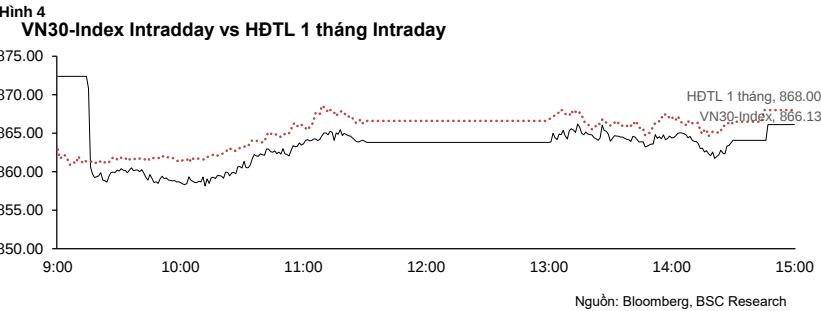
Giá nông sản

- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 9/2019 kết thúc phiên giảm 3.4 US cent tương đương 3.4% xuống 94.75 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 9/2019 giảm 18 USD tương đương 1.4% xuống 1,294 USD/tấn. Giá cà phê chạm mức thấp nhất 1.5 tháng do đồng real Brazil giảm so với đồng USD và các nhà đầu tư tập trung vào dự cung, trong khi giá đường giảm.
- Giá đường thô kỳ hạn tháng 10/2019 giảm 0.3 US cent tương đương 2.7% xuống 11.7 US cent/lb, trong phiên có lúc chạm 11.69 US cent/lb, thấp nhất gần 2 tuần. Giá đường trắng kỳ hạn tháng 10/2019 giảm 5.8 USD tương đương 1.8% xuống 317.9 USD/tấn.

Giá cao su

- Tại Sở giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM), giá cao su ngày 05/08/2019 kỳ hạn tháng 1/2020 giảm 2.3 JPY xuống 166.2 JPY/kg. Trên sàn Thượng Hải, cao su kỳ hạn tháng 9/2019 giảm 135 CNY xuống 10,280 CNY/tấn.
- Giá cao su tại Tokyo giảm do cuộc chiến thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc leo thang.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 3
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	Chênh lệch	%	KLGD	Ngày tới hạn	Số ngày
VN30F1908	868.00	-0.69%	1.87	42.2%	114874	8/15/2019	11
VN30F1909	870.00	-0.81%	3.87	23.3%	376	9/19/2019	46
VN30F1912	878.90	-0.24%	12.77	61.3%	100	12/19/2019	137
VN30F2003	872.20	-0.95%	6.07	3.3%	125	3/19/2020	228

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm 6.26 điểm xuống mức 866.13 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VNM, MSN, HPG, VHM, và MBB tác động mạnh đến xu hướng giảm của VN30. VN30 đang hoạt động dưới ngưỡng hỗ trợ 870 điểm. Các chỉ báo kỹ thuật cho thấy chỉ số đang có hiệu ứng giảm giá ngắn hạn, tuy nhiên vẫn theo xu hướng tích lũy kéo dài trong trung hạn trong vùng giá 860-895 điểm.
- Các HDTL đều giảm theo đà giảm của chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F1909 và VN30F1912 đang giảm, trong khi VN30F1908 và VN30F2003 lại tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F1909 đang tăng, các hợp đồng còn lại đều đang giảm. VN30F1908 và VN30F2003 đang giảm trong khi VN30F1909 đang tăng. Điều này phản ánh kỳ vọng giảm giá trong ngắn hạn và phục hồi trong trung hạn của chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 880 với các hợp đồng ngắn hạn và giá mục tiêu quanh ngưỡng 890 điểm cho các hợp đồng dài hạn hơn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Ngày đáo hạn	Thời gian còn lại	CR**	KI giao dịch	± Ngày	Độ lệch chuẩn
CMWG1901	BSC	9/9/2019	34	4:1	80,200	-40.4%	20.87%
CFPT1901	VND	9/11/2019	36	2:1	48,250	-7.9%	18.93%
CMWG1903	HSC	12/30/2019	146	5:1	157,120	-61.2%	20.87%
CMWG1902	VND	12/11/2019	127	4:1	113,440	-28.0%	20.87%
CMWG1904	SSI	12/30/2019	146	1:1	46,260	-43.4%	20.87%
CFPT1902	SSI	9/30/2019	55	1:1	90,860	-8.7%	18.93%
CFPT1903	SSI	12/30/2019	146	1:1	15,160	-74.9%	18.93%
CMBB1901	SSI	9/28/2019	53	1:1	76,760	37.0%	21.30%
CVNM1901	KIS	12/13/2019	129	10:1	397,720	38.0%	22.20%
CHPG1905	SSI	12/30/2019	146	1:1	93,010	-7.0%	29.96%
CPNJ1901	MBS	9/10/2019	35	5:1	75,380	157.1%	22.75%
CHPG1902	KIS	12/11/2019	127	5:1	240,230	-32.8%	29.96%
CHPG1904	SSI	9/30/2019	55	1:1	59,470	277.1%	29.96%
CHPG1903	VPBS	9/12/2019	37	2:1	47,780	9.7%	29.96%
CMBB1902	HSC	12/17/2019	133	1:1	11,250	-88.9%	21.30%
CHPG1901	MBS	9/10/2019	35	2:1	84,150	129.2%	29.96%

Chú thích:

- * Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- ** Tỷ lệ chuyển đổi

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 06/08/2019, thị trường chứng quyền diễn biến ảm đạm khi hầu hết các mã đều giảm theo đà giảm của chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm.
- CHPG1903 và CHPG1901 giảm giá nhiều nhất lần lượt là 27.63% và 12.68%. Thanh khoản thị trường giảm 18.95%, CVNM1901 có khối lượng giao dịch nhiều nhất chiếm 24% thị trường.
- Hầu hết các chứng quyền duy trì mức giá thị trường cao hơn so với mức giá lý thuyết, ngoại trừ CMWG1901. Cùng với CMWG1902, CMWG1901 cũng đang là những chứng quyền có tỷ suất sinh lời lớn nhất. Trong khi đó, CMWG1904 và CMWG1901 lại là những chứng quyền có trạng thái lãi lớn nhất. Ngoài MWG, các chỉ báo kỹ thuật đang cho thấy xu hướng tăng giá kéo dài của cổ phiếu cơ sở FPT và PNJ, và sẽ tạo động lực tăng của nhóm chứng quyền này trong các phiên tới.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 1
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VIC	119.80	1.53	1.06
PNJ	83.80	3.84	0.77
EIB	17.95	0.84	0.22
GMD	26.55	2.12	0.21
MWG	110.00	0.46	0.20

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 2
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	120.2	-1.48	-1.27
MSN	75.0	-2.34	-1.17
HPG	21.8	-1.81	-0.92
VHM	83.5	-2.00	-0.84
MBB	21.4	-2.06	-0.80

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Giá phát hành	Giá chứng quyền	± Ngày	Giá Lý thuyết *
2,000	5,350	-2.19%	5,523
1,900	2,780	-5.76%	2,121
2,700	4,700	0.00%	3,476
2,990	6,080	1.84%	5,416
14,000	24,820	0.12%	21,953
3,800	4,700	-5.81%	3,600
6,000	6,970	-2.38%	4,650
1,900	2,190	-7.59%	1,121
1,200	790	-11.24%	16
3,300	2,800	-6.67%	1,258
1,700	2,380	7.69%	1,179
1,000	460	-4.17%	0
2,200	1,440	-8.86%	549
1,500	550	-27.63%	173
3,200	2,910	-3.00%	1,059
1,200	620	-12.68%	202

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMWG1901	96,300	88,300	110,000
CHPG1901	47,999	22,900	21,750
CHPG1902	168,888	41,999	21,750
CHPG1903	22,100	23,200	21,750
CMBB1901	23,700	20,600	21,350
CMBB1902	26,300	21,800	21,350
CMWG1902	48,990	90,000	110,000
CPNJ1901	26,300	77,981	83,800
CVNM1901	47,200	158,888	120,200
CFPT1902	96,981	46,000	48,950
CFPT1903	57,000	46,000	48,950
CHPG1904	98,800	23,100	21,750
CHPG1905	93,300	23,100	21,750
CMWG1903	25,800	95,000	110,000
CMWG1904	165,000	90,000	110,000
CFPT1901	27,000	45,000	48,950

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	110.0	0.5%	0.7	2,117	4.7	7,893	13.9	4.7	49.0%	38.6%
PNJ	Bán lẻ	83.8	3.8%	1.0	811	5.1	4,727	17.7	4.6	49.0%	27.9%
BVH	Bảo hiểm	77.0	-2.0%	1.3	2,346	0.6	1,503	51.2	3.5	25.7%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	36.3	-0.5%	0.7	365	0.1	3,025	12.0	1.3	51.2%	10.6%
VIC	Bất động sản	119.8	1.5%	1.1	17,428	2.3	1,673	71.6	4.9	15.0%	8.2%
VRE	Bất động sản	34.9	-0.4%	1.1	3,529	2.7	1,033	33.7	2.9	32.5%	8.8%
NVL	Bất động sản	58.9	-1.0%	0.8	2,383	1.2	3,579	16.5	2.7	7.1%	17.8%
REE	Bất động sản	32.1	-1.4%	1.0	432	1.1	5,261	6.1	1.0	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	16.1	-5.3%	1.4	244	2.0	3,744	4.3	1.0	48.4%	27.0%
SSI	Chứng khoán	21.7	-2.9%	1.3	479	1.8	1,997	10.8	1.2	58.8%	10.9%
VCI	Chứng khoán	32.7	-1.5%	1.0	232	0.0	5,067	6.5	1.5	37.3%	24.7%
HCM	Chứng khoán	20.0	-2.2%	1.4	266	1.2	1,434	13.9	1.4	57.0%	11.1%
FPT	Công nghệ	49.0	-0.1%	0.8	1,444	2.8	4,349	11.3	2.5	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	40.1	0.3%	0.4	434	0.0	3,778	10.6	2.7	0.2%	27.7%
GAS	Dầu khí	102.0	-1.9%	1.5	8,488	1.8	6,019	16.9	4.4	3.7%	26.9%
PLX	Dầu khí	61.3	-2.9%	1.5	3,120	3.5	3,271	18.7	3.6	13.1%	20.2%
PVS	Dầu khí	20.2	-5.2%	1.7	420	6.1	2,351	8.6	0.8	24.1%	9.8%
BSR	Dầu khí	10.0	-2.0%	0.8	1,348	1.1	1,163	8.6	1.0	41.1%	11.0%
DHG	Dược	95.1	-2.0%	0.5	541	0.0	4,602	20.7	4.1	54.3%	20.2%
DPM	Hóa chất	13.7	0.0%	0.7	232	0.2	838	16.3	0.7	20.2%	4.9%
DCM	Hóa chất	8.1	-0.5%	0.7	186	0.1	894	9.0	0.7	2.6%	7.6%
VCB	Ngân hàng	76.3	-1.4%	1.3	12,304	3.9	4,730	16.1	3.7	23.9%	25.4%
BID	Ngân hàng	35.2	-1.7%	1.5	5,232	1.9	2,107	16.7	2.2	3.2%	13.8%
CTG	Ngân hàng	20.2	-0.7%	1.6	3,270	3.1	1,470	13.7	1.0	30.0%	7.8%
VPB	Ngân hàng	18.8	-0.8%	1.2	2,008	1.7	2,965	6.3	1.2	23.2%	20.6%
MBB	Ngân hàng	21.4	-2.1%	1.1	1,962	3.6	3,215	6.6	1.3	20.0%	21.7%
ACB	Ngân hàng	21.7	-1.4%	1.1	1,530	1.7	3,438	6.3	1.5	34.3%	26.4%
BMP	Nhựa	47.4	-1.3%	0.9	169	0.2	5,040	9.4	1.6	76.7%	17.2%
NTP	Nhựa	37.8	-0.5%	0.4	147	0.0	4,490	8.4	1.4	21.0%	18.0%
MSR	Tài nguyên	16.8	0.0%	1.2	657	0.0	732	23.0	1.2	2.0%	5.6%
HPG	Thép	21.8	-1.8%	1.0	2,611	5.4	2,898	7.5	1.4	38.5%	19.9%
HSG	Thép	6.9	-1.8%	1.5	127	0.8	425	16.3	0.5	17.7%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	120.2	-1.5%	0.8	9,101	4.9	5,465	22.0	7.4	58.9%	35.0%
SAB	Tiêu dùng	279.2	-0.4%	0.8	7,785	0.2	6,735	41.5	10.2	63.4%	27.1%
MSN	Tiêu dùng	75.0	-2.3%	1.2	3,812	3.3	3,304	22.7	2.8	40.4%	15.6%
SBT	Tiêu dùng	16.6	-0.9%	0.5	378	0.8	542	30.5	1.5	6.0%	4.9%
ACV	Vận tải	84.0	-0.6%	0.8	7,951	0.7	2,630	31.9	6.0	3.6%	19.7%
VJC	Vận tải	130.1	-0.5%	1.1	3,064	5.0	9,850	13.2	5.0	20.1%	43.3%
HVN	Vận tải	38.8	-3.1%	1.7	2,393	1.9	1,747	22.2	3.0	10.1%	13.4%
GMD	Vận tải	26.6	2.1%	0.8	343	0.9	1,888	14.1	1.3	49.0%	9.4%
PVT	Vận tải	17.5	-3.3%	0.6	214	1.0	2,505	7.0	1.2	31.1%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	84.1	-1.6%	0.9	573	1.6	7,458	11.3	4.3	2.7%	44.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.4	2.9%	0.9	378	0.8	1,333	14.6	1.3	13.0%	9.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.1	-2.6%	0.8	250	0.1	1,657	9.1	1.1	6.4%	11.7%
CTD	Xây dựng	113.0	-1.7%	0.7	375	0.7	13,465	8.4	1.1	48.6%	13.4%
VCG	Xây dựng	26.2	-1.9%	1.1	503	0.5	1,307	20.0	1.8	0.0%	9.7%
CII	Xây dựng	21.5	-2.3%	0.5	232	0.6	485	44.4	1.1	53.0%	2.4%
POW	Điện	13.5	-3.2%	0.6	1,369	0.9	820	16.4	1.3	15.0%	7.8%
NT2	Điện	24.5	-2.0%	0.6	306	0.2	2,241	10.9	1.7	22.5%	16.9%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	119.80	1.53	1.78	441590.00
PNJ	83.80	3.84	0.20	1.43MLN
HNG	18.25	3.11	0.14	1.09MLN
KBC	16.00	6.67	0.14	6.43MLN
VCF	201.50	6.73	0.10	8020.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
S99	8.80	10.00	0.04	215200.00
NDN	18.30	3.39	0.03	1.50MLN
L14	64.00	3.56	0.03	179100.00
DTD	17.40	9.43	0.03	532700.00
PGS	33.00	1.85	0.02	4700.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	83.50	-2.00	-1.68	960830.00
VCB	76.30	-1.42	-1.21	1.17MLN
GAS	102.00	-1.92	-1.13	409620.00
VNM	120.20	-1.48	-0.93	938500.00
PLX	61.30	-2.85	-0.69	1.30MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	21.70	-1.36	-0.51	1.82MLN
PVS	20.20	-5.16	-0.28	6.83MLN
SHB	6.40	-1.54	-0.12	3.95MLN
VCS	84.10	-1.64	-0.05	447200.00
DGC	30.80	-1.91	-0.05	325200.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HUB	21.40	7.00	0.01	97720.00
RIC	5.37	6.97	0.00	1140.00
DMC	89.20	6.95	0.06	13610.00
ITA	3.39	6.94	0.06	13.93MLN
SVT	6.63	6.94	0.00	30.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BII	1.10	10.0	0.00	987600.00
S99	8.80	10.0	0.04	215200.00
C69	22.10	10.0	0.01	592500.00
DC4	11.20	9.8	0.01	4100.00
CLH	15.90	9.7	0.01	200.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NAV	8.27	-6.97	0.00	200.00
VTB	14.70	-6.96	0.00	1920.00
LGC	34.15	-6.95	-0.15	10.00
YEG	52.40	-6.93	-0.04	98570.00
MCP	20.35	-6.86	-0.01	70.00

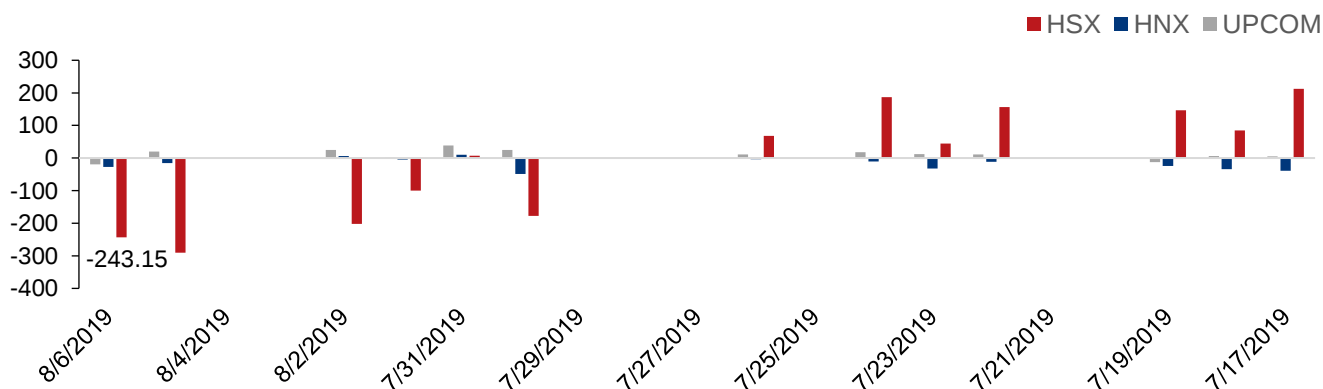
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.40	-20.00	-0.01	162000.00
DST	0.90	-10.00	0.00	490300.00
LDP	23.40	-10.00	0.00	2100.00
VHE	15.40	-9.94	-0.01	19000.00
VNT	36.50	-9.88	-0.01	29600.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Quý II_Phen hóa và biến	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồ	Phân tích vĩ mô		Click
3	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
4	2019M2_Biến động giằng co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
5	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
7	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
8	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
10	VM_M11_Giao dịch giằng co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
12	Vĩ mô_Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click
13	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
14	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click
17	Vĩ mô_Tháng 07_Phen hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click
18	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ mô 2018M5_Phen hồi từ hoạt động đầu tư cơ	Phân tích vĩ mô		Click
20	tin_20180503	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	VEA	Máy công nghiệp	Theo dõi	1/7/2019	58.0	61.4	58.5	5,276	11.1	3.2	Click
2	VSC	Cảng biển	Theo dõi	24/06/2019	31.8	34.6	26.9	4,234	6.3	0.9	Click
3	ACB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	28.6	32.7	21.7	3,438	6.3	1.5	Click
4	VIB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	16.6	21.6	19.1	3,754	5.1	1.4	Click
5	HSG	Thép	Theo dõi	24/06/2019	7.7	9.0	6.9	425	16.3	0.5	Click
6	FRT	Bán lẻ	Theo dõi	20/06/2019	56.0		51.4	4,314	11.9	3.5	Click
7	MSN	Thực phẩm	Theo dõi	20/06/2019	82.8	89.8	75.0	3,304	22.7	2.8	Click
8	SCS	Hàng không	Theo dõi	11/6/2019	159.9	167.0	155.5	7,716	20.2	10.4	Click
9	GMD	Cảng biển	Theo dõi	11/6/2019	26.3	28.9	26.6	1,888	14.1	1.3	Click
10	MWG	Bán lẻ	Mua	10/6/2019	88.3	132.1	110.0	7,893	13.9	4.7	Click
11	NLG	Bất động sản	Mua	24/05/2019	31.2	40.5	30.4	3,751	8.1	1.6	Click
12	BCC	Xi măng	Mua	17/05/2019	8.7	11.2	7.8	1,433	5.4	0.5	Click
13	VHC	Thủy sản	Mua	16/05/2019	92.8	108.5	86.0	18,452	4.7	1.8	Click
14	DRC	Cao su	Theo dõi	15/05/2019	22.4	25.1	19.2	1,294	14.8	1.5	Click
15	TNG	Dệt may	Theo dõi	8/5/2019	20.8	21.0	19.0	3,481	5.5	1.3	Click
16	LHG	Bất động sản	Mua	7/5/2019	18.6	25.5	19.1	2,655	7.2	0.8	Click
17	FPT	Phần mềm	Mua	3/5/2019	50.0	59.1	49.0	4,349	11.3	2.5	Click
18	DGW	Bán lẻ	Mua	8/4/2019	22.9	27.4	21.7	3,149	6.9	1.1	Click
19	HDG	Bất động sản	Mua	8/4/2019	42.5	58.0	36.6	8,518	4.3	2.1	Click
20	GEX	Thiết bị điện	Mua	1/4/2019	23.0	30.2	23.0	2,589	8.9	1.7	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express HBC 2019Q2	5/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 16000 ; Giá tại Publish 14000 BSC dự báo KQKD 2019F của HBC với DT và LNST đạt lần lượt 17,191 tỷ đồng (-6.05% yoy) và 525 tỷ đồng (-16.5% yoy), tương ứng EPS FW đạt 2,667 VNĐ/cp. BSC khuyến nghị Theo Dõi với giá mục tiêu là 16,000 VNĐ/CP, upside 7.1%, dựa theo phương pháp P/E với P/E mục tiêu là 6x.
Express LCG 2019Q2	5/8/2019	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 12900 ; Giá tại Publish 10000 BSC dự báo KQKD 2019F LCG với DT và LNST đạt lần lượt 2778.6 tỷ đồng (+10% yoy) và 204.6 tỷ đồng (+11.9% yoy) tương ứng EPS FW đạt 1,870 đồng/cp. Chúng tôi lưu ý các dự án điện mặt trời như Solar Chư Ngọc 1 có thể được LCG chuyển nhượng lại trong 2H2019 và các dự án điện mặt trời khác LCG đang tăng tỷ lệ sở hữu lên nên sẽ ghi nhận thêm doanh thu mảng điện. Vì thế BSC dự báo KQKD 2019 của LCG dựa trên HDKD cốt lõi chưa cộng thêm lợi nhuận bất thường từ chuyển nhượng dự án.
Express LTG 2019Q3	5/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 23500 Lũy kế 6 tháng đầu năm , LTG đạt Doanh thu và LNST lần lượt 4,600 tỷ đồng (-0.8% yoy) và 254.8 tỷ đồng (+33% yoy), hoàn thành 53% kế hoạch doanh thu và 49% kế hoạch LNST. Chúng tôi đánh giá KQKD của LTG trong 6 tháng đầu năm có nhiều cải thiện nhờ mảng thuốc BVTV kinh doanh tốt trong vụ mùa đông xuân đầu năm, tuy nhiên sang Q3 khả năng vụ mùa hè thu và thu đông sẽ khó hơn so với đầu năm.
Express PVI 2019Q3	30/7/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 40010 ; Giá tại Publish 37400 BSC dự báo, cho cả năm 2019, PVI sẽ ghi nhận DTT về hoạt động bảo hiểm và LNTT đạt mức 6,305 tỷ VND (+10.9% yoy) và 644 tỷ VND (+17% yoy). KQKD quý 2Q2019 tăng trưởng ấn tượng. Trong 2Q2019, PVI đã ghi nhận DTT từ hoạt động bảo hiểm và LNTT đạt mức 901 tỷ VND (-0.7% yoy) và 288 tỷ VND (+187.6% yoy).



BSC Invest
Your Money. You invest

- Bạn không có thời gian để đầu tư
- Bạn băn khoăn với biến động thị trường
- Bạn cần hỗ trợ để đầu tư hiệu quả

I-INVEST LÀ CÔNG CỤ BẠN ĐANG TÌM KIẾM

[Tìm hiểu thêm](#)

BSC i-Invest là nền tảng giao dịch trực tuyến kiểu mới dành cho khách hàng của BSC. Khác với phương thức quen thuộc là đặt lệnh theo từng mã cổ phiếu, i-Invest sử dụng phương thức quản lý và thực hiện mua bán theo danh mục đầu tư. Dựa vào nhu cầu, đặc điểm, mức độ ưa thích rủi ro của khách hàng, hệ thống i-Invest ngay lập tức đưa ra danh mục đầu tư phù hợp với kỳ vọng lợi nhuận tốt nhất cho khách hàng.

Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật danh mục trên i-Invest

Danh mục	Hiệu suất danh mục							
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
Chủ đề	Bảng bao gồm 4 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Chiến tranh thương mại	0.7%	2.5%	-3.7%	3.8%	4.8%	15.5%	19.3%	122.7%
BĐS & Khu công nghiệp	-0.2%	0.9%	-1.4%	3.9%	4.9%	2.4%	45.9%	99.0%
Vật liệu Xây dựng	-0.7%	-0.1%	-2.1%	-2.3%	8.1%	8.8%	19.8%	167.2%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.8%	-1.7%	-2.6%	1.6%	2.3%	0.4%	72.8%	100.9%
Nước & Năng lượng	-1.6%	-2.4%	-6.3%	-1.5%	3.4%	13.1%	57.4%	97.0%
Dầu khí	-2.7%	-4.4%	-3.0%	-4.3%	10.6%	3.8%	16.2%	-19.0%
* Note	Danh mục Chiến tranh thương mại đi ngược xu thế chung của toàn thị trường khi tăng 0.7% trong ngày. Danh mục này kỳ vọng được hưởng lợi trong bối cảnh căng thẳng thương mại thế giới. Các danh mục còn lại đều giảm điểm, trong đó danh mục Dầu khí có biến động bất lợi nhất khi giảm 2.7%.							
Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 6	0.9%	0.4%	3.7%	9.1%	17.0%	15.7%	110.2%	182.4%
Danh mục 17	0.1%	0.4%	2.1%	3.9%	9.8%	22.7%	158.5%	264.2%
Danh mục 12	-0.3%	-0.9%	-0.2%	-1.6%	11.1%	8.3%	126.9%	244.4%
Danh mục 7	-1.5%	-3.0%	-2.0%	1.7%	2.2%	5.7%	46.4%	131.4%
Danh mục 9	-1.5%	-1.7%	-0.8%	2.1%	4.6%	10.0%	52.0%	123.5%
* Note								
Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 23	0.4%	0.2%	0.8%	0.6%	6.7%	13.3%	134.9%	214.2%
Danh mục 25	-0.1%	0.0%	5.1%	11.4%	26.5%	43.8%	207.0%	252.0%
Danh mục 20	-0.1%	-2.5%	-2.2%	1.7%	1.1%	8.3%	19.9%	160.8%
Danh mục 24	-1.4%	-2.6%	0.4%	4.2%	11.4%	6.1%	65.7%	181.6%
Danh mục 21	-1.7%	-2.6%	-2.0%	-0.2%	6.5%	0.6%	45.5%	51.7%
* Note								
INDEX								
VNINDEX	-0.9%	-2.2%	-1.1%	1.4%	6.2%	0.5%	53.7%	58.8%
VN30INDEX	-0.7%	-1.3%	-1.6%	-0.8%	0.7%	-7.8%	40.8%	34.5%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

